

Mã nhận dạng: 002499

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Số SV có mặt: 36

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Nói thương mại (224355) - Nhóm 02

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2

Ngày thi: 29/06/2022

Phòng thi: D7-40

Tổ: 001

Giờ: 07:30

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Ph	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phần
1	2120240090	TRẦN LÊ HOÀNG ANH	22/09/2002	CCQ2024D			<i>anh</i>	9.4	81	86	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	2120240031	NGUYỄN HỒNG AN	01/01/2001	CCQ2024B			<i>an</i>	7.2	65	67	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	2120240064	TRẦN ĐÌNH DUY	03/10/2001	CCQ2024C			<i>Duy</i>	9.15	81	85	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	2120240190	PHẠM MỸ DUYỀN	25/08/2002	CCQ2024G			<i>duy</i>	8.4	92	89	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	2119240205	LÊ TRẦN LINH ĐAN	13/03/2001	CCQ1924H			<i>dan</i>	9.2	72	80	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	2120240094	TRẦN PHÁT ĐẠT	14/11/2002	CCQ2024D			<i>dat</i>	8.7	87	87	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	2120240096	NGUYỄN HOÀNG HAI ĐĂNG	17/09/2002	CCQ2024D			<i>hai</i>	8.5	54	66	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	2120240033	ĐINH HƯƠNG GIANG	02/12/2001	CCQ2024B			<i>giang</i>	-	-	-	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	2120240066	NGUYỄN THỊ THU HÀ	20/12/2002	CCQ2024C			<i>thu ha</i>	7.8	55	64	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	2120240098	NGUYỄN THỊ NHƯ HẢO	25/08/2002	CCQ2024D			<i>huo</i>	9.3	80	85	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	2120240100	BÙI CÔNG HẬU	18/12/2002	CCQ2024D			<i>hai</i>	8.0	60	68	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	2120240101	PHAN XUÂN HIỆU	21/12/2001	CCQ2024D			<i>hieu</i>	8.7	60	71	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	2120240183	NGUYỄN THỊ HÒA	17/07/2002	CCQ2024D			<i>hoa</i>	9.0	45	63	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	2120240102	ĐỖ THIÊN HUY	23/07/2002	CCQ2024D			<i>huy</i>	9.0	60	72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	2120240103	LÊ ANH KHOA	20/08/2001	CCQ2024D			<i>khoa</i>	8.5	79	81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	2120240208	TRẦN NGUYỄN MINH KHÔI	05/01/2002	CCQ2024C			<i>khoe</i>	9.0	64	74	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	2120240106	TRẦN NGUYỄN HOÀNG LINH	01/09/2002	CCQ2024D			<i>linh</i>	9.3	86	89	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	2120240048	HOÀNG THUY TUYẾT MAI	20/12/2002	CCQ2024B			<i>mai</i>	8.0	39	55	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	2120240071	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG NAM	01/08/2002	CCQ2024C			<i>nam</i>	9.1	88	89	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	2118240390	CHÁU THÚY NGÂN	06/09/2000	CCQ1824F			<i>ngan</i>	9.1	61	73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Nói thương mại (224355) - Nhóm 02
Đợt thi: HK2, ĐỢT 2
Ngày thi: 29/06/2022
Phòng thi: D7-40

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: 002499

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120240010	VŨ MINH	24/02/2001	CCQ2024A				8.5	65	73	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120240074	LÊ THỊ CẨM	22/10/2000	CCQ2024C				9.6	95	95	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120240111	MÃ THỊ PHÚ	27/03/2001	CCQ2024D				9.9	75	82	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2120240245	NGUYỄN HUỖNH NHƯ	18/11/2002	CCQ2024H				9.2	90	91	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120240196	BIỂN ANH	06/01/2002	CCQ2024G				8.6	42	60	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2120240112	ĐOÀN HUỖNH DIỄM	06/04/2002	CCQ2024D				8.5	60	70	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2120240075	KIỀU NỮ DIỄM	08/07/2002	CCQ2024C				8.7	88	88	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2120240113	NGUYỄN VĂN	18/11/1995	CCQ2024D				8.2	73	77	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2120240078	LƯU THỊ KIM	10/10/2001	CCQ2024C				9.0	91	91	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2120240080	TRƯƠNG THỊ THU	07/01/2002	CCQ2024C				9.1	70	78	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	2120240115	NGUYỄN THỊ THANH	20/02/2002	CCQ2024D				8.5	45	61	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	2120240211	PHAN NỮ THỦY	15/02/2002	CCQ2024C				9.0	75	81	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	2120240082	HỒ THỊ THỦY	04/09/2002	CCQ2024C				9.3	94	94	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	2120240081	LÊ THỊ KIM	18/04/2002	CCQ2024C				9.1	89	80	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	2120240118	TRẦN THỊ THỦY	24/05/2002	CCQ2024D				8.5	87	86	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	2120240119	HỒ THỊ THANH	27/05/2002	CCQ2024D				7.4	55	63	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	2120240060	ĐẶNG NGỌC	20/04/2000	CCQ2024B				8.7	89	88	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)